**Phụ lục 1: KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH  **NHÓM HĐTN HN KHỐI 12** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA NHÓM CHUYÊN MÔN**

**MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP - KHỐI LỚP 12**

(**Năm học 2024 - 2025**)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 13; Số học sinh:**  …

**2. Tình hình đội ngũ:** Số GV chủ nhiệm khối 10 thực hiện hoạt động: 13 GV chủ nhiệm

**Số giáo viên tham gia giảng dạy bộ môn: 5 GV bộ môn**

Trình độ đào tạo: Đại học: 10; trên đại học: 08

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 18; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| **I** | **Thiết bị phòng học** |  |  |  |
| 1 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Tranh, video,bảng phụ, phiếu đánh giá liên quan đến nội dung bài học. | 01 bộ | Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy cô và các bạn |  |
| 2 | - Tranh liên quan đến nội dung bài học.  - Phiếu phục vụ hoạt động học tập, thu thập thông tin … | 01 bộ | Chủ đề 2: Tôi trưởng thành |  |
| 3 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Sưu tầm thông tin, tư liệu, tấm gương liên quan đến bài học | 01 bộ | Chủ đề 3: Hoàn thiện bản thân |  |
| 4 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Video về một ngày của học sinh, tiểu phẩm hoạt động… | 01 bộ | Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình |  |
| 5 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Tình huống, câu chuyện gắn với bài học | 01 bộ | Chủ đề 5: Xây dựng cộng đồng |  |
| 6 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - video về danh lam thắng cảnh, di sản địa phương. | 01 bộ | Chủ đề 6: Chung tay giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên |  |
| 7 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung bài học vấn đề môi trường | 01 bộ | Chủ đề 7: Bảo vệ thế giới tự nhiên |  |
| 8 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Video liên quan đến phân tích thị trường lao động, phiếu điều tra | 01 bộ | Chủ đề 8: Nghề nghiệp và những yêu cầu với người lao động trong xã hội hiện đại |  |
| 9 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - bảng phụ, sản phẩm, phiếu đánh giá | 01 bộ | Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp |  |
| 10 | - Thiết bị: Loa, micro, máy tính, máy chiếu, SGK, SGV  - Sản phẩm kế hoạch: cây mục tiêu, bảng kế hoạch… | 01 bộ | Chủ đề 10: Quyết định lựa chọn nghề phù hợp và chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường mới |  |
| **II** | **Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định**  *(TT số 39/2021/TT-BGDĐT)* |  |  |  |
| 1 | Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên (có hệ thống học liệu điện tử (hình ảnh, sơ đồ, video, các câu hỏi) đi kèm và được tổ chức, quản lý thành hệ thống thư viện điện tử, thuận lợi cho tra cứu và sử dụng. Bộ học liệu sử dụng được trên máy tính trong môi trường không kết nối internet) |  | Tất cả các bài |  |
| 2 | Bộ tranh về Các nhóm nghề cơ bản |  | Chủ đề 8, 9, 10 |  |
| 3 | Bộ Video về nhóm ngành: quản lý, kỹ thuật |  | Chủ đề 8, 9, 10 |  |
| 4 | Video về thực trạng văn hóa ứng xử nơi công cộng |  | Chủ đề 6 |  |
| 5 | Video về an toàn lao động |  | Chủ đề 7,8 |  |
| 6 | Bộ dụng cụ lao động sân trường |  | Chủ đề 1 |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Sân trường | 01 | Tổ chức các HĐTN, HN đòi hỏi không gian rộng, ngoài trời |  |
| 2 | Sân thể thao | 01 | Tổ chức các HĐTN, HN đòi hỏi không gian rộng, ngoài trời |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình**

Thời gian cả năm học: 35 tuần x 3 tiết/tuần = 105 tiết

Học kỳ 1: 18 tuần (54 tiết); học kỳ 2: 17 tuần (51 tiết)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Loại hình tổ chức HĐTN, HN (105 tiết/ năm)**  **(4)** | |
| **Kế hoạch HĐGD theo chủ đề (HĐCĐ)**  **(70 tiết)** | **KHGD sinh hoạt lớp (SHL)**  **(35 tiết)** |
|  | **HỌC KỲ I** | | | | |
| 1 | Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn (9 tiết) | 9 | -Nuôi dưỡng giữ gìn và mở rộng được các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè.  -Thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.  -Hợp tác được với mọi người trong hoạt động và biết giải quyết mâu thuẫn trong các mối quan hệ bạn bè.  -Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể.  - Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. | HĐ1: Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè  HĐ2: Tìm hiểu về cách hợp tác với mọi người trong hoạt động chung.  HĐ5: Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.  HĐ6: Đánh giá về ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể.  HĐ8: Thực hiện các hoạt động phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè trong nhà trường.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 1. | HĐ3:Thể hiện cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô.  HĐ4: Thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.  HĐ7: Thể hiện kĩ năng giải quyết mâu thuẫn và nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè.  Diễn đàn “Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường” |
| 2 | Chủ đề 2. Tôi trưởng thành (11 tiết) | 11 | - Nhận diện được sự trưởng thành của bản thân.  - Nhận diện được phẩm chất ý chí và sự đam mê của bản thân.  -Nhận diện được khả năng tư duy độc lập và khả năng thích ứng với sự thay đổi của bản thân. | HĐ1: Xác định những biểu hiện trưởng thành của cá nhân.  HĐ2: Tìm hiểu biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê.  HĐ4: Nhận diện khả năng thích ứng với sự thay đổi.  HĐ5: Thể hiện sự trưởng thành của bản thân trong cuộc sống.  HĐ7: Rèn luyện ý chí của bản thân.  HĐ8: Thể hiện khả năng tư duy độc lập.  HĐ10: Lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí và sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 2. | HĐ3: Nhận diện đặc điểm của người có tư duy độc lập.  HĐ6: Giới thiệu đam mê của bản thân.  HĐ9: Thể hiện khả năng thích ứng với sự thay đổi. |
| 3 | Chủ đề 3. Hoàn thiện bản thân (15 tiết) | 15 | - Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.  - Thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ theo thời gian và thực hiện cam kết đề ra.  -Điều chỉnh được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau.  -Lập và thực hiện được kế hoạch phát triển tài chính cho bản thân trong điều kiện phù hợp. | HĐ2: Tìm hiểu cách thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ theo thời gian và thực hiện cam kết đề ra.  HĐ3: Xác định cách điều chỉnh được cảm xúc và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau.  HĐ5: Thể hiện sự trung thực, tinh thần trách nhiệm trong đời sống.  HĐ6: Rèn luyện thói quen tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.  HĐ8: Thực hành điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau.  HĐ9: Lập và thực hiện kế hoạch phát triển tài chính của bản thân.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 3.  Báo cáo điển hình của những tấm gương về “tự hoàn thiện bản thân” | HĐ1: Xác định những biểu hiện về tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống.  HĐ4: Tìm hiểu về kế hoạch phát triển tài chính phù hợp cho bản thân.  HĐ7: Thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ theo thời gian và cam kết đề ra.  HĐ10: Tự hoàn thiện bản thân.  Báo cáo điển hình của những tấm gương về “tự hoàn thiện bản thân” |
| 5 | Đánh giá giữa học kỳ 1 | 1 | - Đạt yêu cầu (Đ): Thực hiện được cơ bản các nội dung chủ đề 1, 2, 3 theo yêu cầu của đề kiểm tra, đánh giá kết quả bài kiểm tra đạt điểm 5 trở lên. | Chủ đề 1, 2, 3 |  |
| 6 | Chủ đề 4. Trách nhiệm với gia đình (9 tiết) | 9 | - Thể hiện được sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình.  - Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình.  - Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.  - Phân tích được chi phí sinh hoạt trong gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống. | HĐ1: Tìm hiểu những việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình.  HĐ2: Tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.  HĐ4: Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình.  HĐ5: Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình.  HĐ7: Phân tích ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình em.  Triển lãm sản phẩm về “trách nhiệm với gia đình”  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 4. | HĐ3: Tìm hiểu ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình.  HĐ6: Thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình.  Triển lãm sản phẩm về “trách nhiệm với gia đình” |
|  | Chủ đề 5: Xây dựng cộng đồng (9 tiết) |  | - Tìm hiểu được sự chủ động và tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng.  - Thực hiện được các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị.  - Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau; thể hiện được thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.  -Xây dựng và triển khai được dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và quản lý dự án hiệu quả.  -Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động xã hội. | HĐ1: Tìm hiểu biểu hiện của sự chủ động và tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.  HĐ3: Tìm hiểu cách quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo.  HĐ4: Thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.  HĐ5: Thực hiện hoạt động khám phá các nền văn hoá khác nhau.  HĐ8: Lập và thực hiện kế hoạch dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và biện pháp quản lý dự án.  HĐ9: Đánh giá ý nghĩa của hoạt động xã hội.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 5. | HĐ2: Tìm hiểu các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị.  HĐ6: Thể hiện sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau và thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.  HĐ7: Thực hiện hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị.  HĐ10: Tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sinh sống. |
|  | Đánh giá cuối kỳ 1 | 1 | - Đạt yêu cầu (Đ): Thực hiện được cơ bản các nội dung yêu cầu của đề kiểm tra học kì I, đánh giá xếp loại cuối kì I môn học đạt điểm 5 trở lên. |  |  |
|  | **HỌC KỲ II** | | | |  |
|  | Chủ đề 6: Chung tay giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (6 tiết) | 6 | -Đánh giá được thực trạng bảo tồn 1 số danh lam thắng cảnh ở địa phương.  -Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.  -Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên. | HĐ1: Tìm hiểu các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.  HĐ 2: Tìm hiểu về hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên.  HĐ4: Đề xuất và thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.  HĐ5: Thực hiện tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên.  HĐ 6: Thực hiện các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 6. | HĐ3: Đánh giá thực trạng bảo tồn 1 số danh lam thắng cảnh ở địa phương.  Ra quân Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (tuyên truyền, lao động, …) |
|  | Chủ đề 7. Bảo vệ thế giới tự nhiên (9 tiết) |  | -Lập và thực hiện được kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương.  -Thực hiện và tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật.  -Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật | HĐ1:Nhận diện hành vi việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.  HĐ3: Nhận xét, đánh giá những hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.  HĐ4:Thực hiện các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật.  HĐ6: Lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương.  Triễn lãm về thực trạng bảo vệ thế giới, động vật.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 7. | HĐ2: Lập và thực hiện kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương.  HĐ5:Tuyên truyền các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật.  Triễn lãm về thực trạng bảo vệ thế giới, động vật. |
|  | Chủ đề 8. Nghề nghiệp và những yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại (12 tiết) | 12 | -Trình bày được xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.  -Chỉ ra được những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại.  -Tìm hiểu tính chuyên nghiệp trong công việc, đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.  -Phân tích được những thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của về thị trường lao động. | HĐ2: Xác định những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại.  HĐ3: Tìm hiểu biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc  HĐ5: Rèn luyện tính chuyên nghiệp trong công việc.  HĐ 6: Đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp  HĐ 8: Thực hành phân tích thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.  HĐ9: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (pha chế/ nấu ăn)  Trải nghiệm thực tế: Ngày hội Tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 8. | HĐ1: Tìm hiểu về xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.  HĐ4: Tìm hiểu yêu cầu về đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.  HĐ7: Phân tích những yêu cầu đối với nghề trong xã hôi hiện đại mà em quan tâm.  HĐ9: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (pha chế/ nấu ăn) |
|  | Đánh giá giữa kỳ 2 | 1 | - Đạt yêu cầu (Đ): Thực hiện được cơ bản các nội dung chủ đề 6, 7 theo yêu cầu của đề kiểm tra, đánh giá kết quả bài kiểm tra đạt điểm 5 trở lên. |  |  |
|  | chủ đề 9 rèn luyện phẩm chất năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp (9 Tiết) | 9 | -Đánh giá được sự phù hợp của nghề với khả năng và sở thích của bản thân.  -Xác định những phẩm chất năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với ngành, nghề lựa chọn.  -Rèn luyên được 1 số phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.  -Tự tin về bản thân, tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình. | HĐ2: Tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề.  HĐ3: Tìm hiểu những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.  HĐ5: Đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.  HĐ6: Rèn luyên phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.  HĐ8: Rèn luyên phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và cuộc sống để bước vào thế giới nghề nghiệp.  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề. | HĐ1: Xác định những nhóm nghề/ nghề phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân.  HĐ4: Xác định những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn.  HĐ7: Thể hiện sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình.  Chơi trò chơi “đoán tên nghề” |
|  | Chủ đề 10 quyết định lựa chọn nghề phù hợp và chuẩn bị tâm lý thích ứng với môi trường mới  (12 tiết) | 12 | -Phân tích và xử lí được các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.  -Tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, chuyên gia làm cơ sở cho việc chọn hướng học tập nghề nghiệp.  -Đưa ra được các quyết định lựa chọn nghề, nhóm nghề hoặc lựa chọn được ngành học, trường học và chuận bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai.  -Có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.  -Thể hiện được bản lĩnh của bản thân trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề. | HĐ 2: Tìm hiểu về tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.  HĐ 3: Tìm hiểu về bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.  HĐ 5: thể hiện tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.  HĐ6: Quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân.  HĐ8: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (tỉa rau củ)  -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 10. | HĐ1: Tìm hiểu cách thức chuận bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc và học tập tương lai. HĐ4: Phân tích và xử lí các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp.  HĐ 7: Thể hiện bản lĩnh, đam mê theo đuổi nghề yêu thích  HĐ8: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (tỉa rau củ) |
|  | Đánh giá cuối học kỳ 2 | 1 | - Đạt yêu cầu (Đ): Thực hiện được cơ bản các nội dung yêu cầu của đề kiểm tra học kì II, đánh giá xếp loại cuối kì II môn học đạt điểm 5 trở lên. |  |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông): Không có**

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 11 | - Đáp ứng YCCĐ của chủ đề 1, 2  - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 17 | - Đáp ứng YCCĐ của chủ trong học kỳ I  - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | viết trên giấy |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | - Đáp ứng YCCĐ của chủ đề 5, 6, 7  - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | - Đáp ứng YCCĐ của chủ đề trong học kỳ II  - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | viết trên giấy |

**III. Các nội dung khác (nếu có):** Không

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÓM GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  Ảnh có chứa bản phác thảo, hình vẽ, Nghệ thuật vẽ nét đơn, tác phẩm nghệ thuật  Mô tả được tạo tự động  **Nguyễn Thị Thơm** | *TP. Cẩm Phả, ngày 05 tháng 09 năm 2024*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÓM CHUYÊN MÔN**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH  **NHÓM HĐTN HN KHỐI 12** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÓM CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2024 - 2025)

1. **Khối lớp: 12 ; Số học sinh: …..**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy cô và các bạn  Diễn đàn “Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường” | HS có cơ hội thể hiện tình cảm tốt đẹp với thầy cô; ghi nhận, tôn vinh những việc làm tích cực; lan toả những tình cảm tốt đẹp của HS, PHHS đối với thầy cô và nhà trường.  Nội dung: Những kỉ niệm đáng nhớ của HS đối với thầy cô và nhà trường. | 2 | Tuần 3 | Lớp | GVCN, GVBM | HS | HS được thông báo trước về nội dung các phần thi để chuẩn bị  - Sân khấu, loa đài... |
| 2 | Chủ đề 3: Hoàn thiện bản thân  Báo cáo điển hình về Tôi hoàn thiện bản thân | Những thành công và cách đã vượt qua những khó khăn để rèn luyện/hoàn thiện bản thân.  Những sản phẩm minh chứng cho kết quả của rèn luyện bản thân (nếu có).  − Những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình trèn luyện/ tự hoàn thiện bản thân. | 4 | Tuần 11, 12 | Lớp | GVCN | HS | HS được thông báo trước về nội dung các phần thi để chuẩn bị  - Sân khấu, loa đài... |
| 3 | Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình  Triển lãm sản phẩm về trách nhiệm với gia đình | Lan toả được ý thức trách nhiệm với gia đình đối với HS trong toàn trường.  − HS nhận thức được sâu sắc và đầy đủ hơn trách nhiệm của mình đối với gia đình bằng những sản phẩm cụ thể và có ý nghĩa.  − HS học được kinh nghiệm của bạn trong trường về việc thể hiện trách nhiệm với gia đình.  -Những sản phẩm minh chứng cho kết quả của rèn luyện bản thân (nếu có).  − Những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình trèn luyện/ tự hoàn thiện bản thân. | 2 | Tuần 15, 16 | Lớp | GVCN | HS | HS được thông báo trước về nội dung các phần thi để chuẩn bị  - Sân khấu, loa đài... |
| 4 | Chủ đề 6: Chung tay giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên  Ra quân Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (tuyên truyền, lao động, …) | – Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của TC, CN trong việc bảo tồn CQTN  – Xây dựng và thực hiện được KHTT, kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ CQTN. – Tham gia các HĐ bảo tồn CQTN do Đoàn tổ chức. | 1 | Tuần 21 | - Sân trường  - Vườn trường  - Địa phương | - Lãnh đạo trường;  - BTV đoàn trường  - GVCN | - Học sinh | -Dụng cụ lao động vệ sinh, đồ nhựa tái chế, sơn màu. |
| 5 | Chủ đề 7: Bảo vệ thế giới tự nhiên  Triển lãm về bảo vệ thế giới động – thực vật | HS trưng bày, giới thiệu được các hình ảnh, video, sơ đồ, biểu  đồ về kết quả khảo sát thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật.  HS triển lãm kết quả khảo sát của nhóm, lớp mình về thực trạng bảo vệ thế giới động, thực vật. | 2 | Tuần 24 | Lớp | GVCN | HS | HS được thông báo trước về nội dung các phần thi để chuẩn bị  - Sân khấu, loa đài... |
| 6 | Chủ đề 8: Nghề nghiệp và những yêu cầu với người lao động trong xã hội hiện đại  Trải nghiệm thực tế: Ngày hội Tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp | - Biết cách tìm hiểu các thông tin về nhóm nghề mình quan tâm, yêu cầu về năng lực, phẩm chất theo nhóm nghề.  - Tìm hiểu được những điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoả nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp  - Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm 1 nghề cụ thể và yêu cầu của nhà tuyển dụng. | 1 | Tuần 28 | Sân trường | - Lãnh đạo trường;  - BTV đoàn trường  - GVCN | - Hội cha mẹ học sinh.  - Ban tuyển sinh các trường Đại học, Cao đẳng | - Kế hoạch tổ chức ngày hội Tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp.  - Kinh phí |
| 7 | Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp  Trò chơi đoán tên nghề | HS biết được đặc trưng của nghề và yêu cầu về phẩm chất, năng lực, sức khoẻ đối với người lao động làm một số nghề trong xã hội hiện đại.  Các đội chơi/người chơi phải  đoán đúng tên nghề khi được cung cấp một vài thông tin về đặc điểm và yêu cầuvề phẩm chất, năng lực, sức khoẻ đối với người lao động làm nghề đó. | 1 | Tuần 31 | Lớp | GVCN | HS | HS được thông báo trước về nội dung các phần thi để chuẩn bị  - Sân khấu, loa đài... |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÓM GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  Ảnh có chứa bản phác thảo, hình vẽ, Nghệ thuật vẽ nét đơn, tác phẩm nghệ thuật  Mô tả được tạo tự động  **Nguyễn Thị Thơm** | *TP. Cẩm Phả, ngày 05 tháng 09 năm 2024*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục 3. KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH  **NHÓM: HĐTN 12**  Họ và tên giáo viên: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM- HƯỚNG NGHIỆP**

**KHỐI LỚP: 12**

Năm học 2024 - 2025

|  |
| --- |
| **Cả năm: 35 tuần x 3 tiết = 105 tiết;** |
| **Học kì I: 18 tuần x 3 tiết/tuần = 54 tiết; Học kì II: 17 tuần x 3 tiết/tuần = 51 tiết** |

**1. Tổng thể.**

Tổng số tiết thực hiện/năm học: 105 tiết.

**2. Khung phân phối chương trình.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch nội dung** | **Tỉ lệ** | **Số tiết thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | **Hoạt động hướng vào bản thân** | 30,5% | 32 |  |
| 2 | **Hoạt động hướng đến xã hội** | 22,8% | 24 |  |
| 3 | **Hoạt động hướng đến tự nhiên** | 15,3% | 16 |  |
| 4 | **Hoạt động hướng nghiệp** | 31,4% | 33 |  |
| **Tổng số** | | **100%** | **105** |  |

**3. Hướng dẫn thực hiện xây dựng phân phối chương trình chi tiết**

**-** Thực hiện xây dựng phân phối chương trình chi tiết cho từng bài (tham khảo theo mẫu gửi kèm – Phụ lục I) đảm bảo linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường được sự phê duyệt của cán bộ quản lí nhà trường đảm bảo không vượt quá tổng số tiết quy định trong mỗi nội dung, mỗi chuyên đề. Trong trường hợp một bài thực hiện trong nhiều tiết, phải ghi rõ nội dung dạy của từng tiết.

- Để thuận tiện trong việc ghi tiết học liên tục trong Sổ ghi đầu bài, thống nhất ghi thứ tự tiết đối với các bài kiểm tra định kì trong PPCT. Trả bài chậm nhất sau 01 tuần kiểm tra hoặc theo kế hoạch của nhà trường.

*-* Khi xây dựng phân phối chương trình chi tiết, có thể tham khảo khung chương trình dành cho từng bộ sách gửi kèm – Phụ lục II.

**4. Đánh giá định kì**

**- Khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp (Mỗi học kì có 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì).**

**- Trường hợp thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài kiểm tra thực hiện như sau:**

+ Số bài kiểm tra định kì là 02 bài/học kì: Trong đó có 01 bài kiểm tra giữa học kì thời gian 45 - 90 phút (gồm tất cả yêu cầu cần đạt đã học từ đầu học kì), 01 bài kiểm tra cuối học kì thời gian 45 - 90 phút (gồm tất cả yêu cầu cần đạt đã học từ đầu học kì).

+ Kiểm tra giữa Học kì I: Tuần 11

+ Kiểm tra giữa Học kì II: Tuần 27

+ Kiểm tra cuối Học kì: Tuần 17, 35

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học (1)** | | | **Số tiết**  **(2)** | **Tiết PPCT**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Quy mô/Địa điểm**  **(5)** | **Người thực hiện/Phối hợp**  **(6)** | **Thiết bị/ĐK thực hiện**  **(7)** |
| **Tên chủ đề** | **Hoạt động** | **Tên bài** |
| Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy cô và các bạn (9 Tiết) | HĐCĐ | HĐ1: Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè | 1 | 1 | Tuần 1 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ2: Tìm hiểu về cách hợp tác với mọi người trong hoạt động chung. | 1 | 2 | Tuần 1 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ3:Thể hiện cách nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô.  HĐ4: Thể hiện được lập trường, quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội. | 1 | 3 | Tuần 1 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ5: Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường và hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. | 1 | 4 | Tuần 2 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ6: Đánh giá về ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể. | 1 | 5 | Tuần 2 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ7: Thể hiện kĩ năng giải quyết mâu thuẫn và nuôi dưỡng, giữ gìn, mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè. | 1 | 6 | Tuần 2 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ8: Thực hiện các hoạt động phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè trong nhà trường. | 1 | 7 | Tuần 3 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 1. | 1 | 8 | Tuần 3 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | Diễn đàn “Những kỉ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường” | 1 | 9 | Tuần 3 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 2: Tôi trưởng thành (11 tiết) | HĐCĐ | HĐ1: Xác định những biểu hiện trưởng thành của cá nhân. | 1 | 10 | Tuần 4 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ2: Tìm hiểu biểu hiện của phẩm chất ý chí và sự đam mê. | 1 | 11 | Tuần 4 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ3: Nhận diện đặc điểm của người có tư duy độc lập. | 1 | 12 | Tuần 4 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ4: Nhận diện khả năng thích ứng với sự thay đổi. | 1 | 13 | Tuần 5 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ5: Thể hiện sự trưởng thành của bản thân trong cuộc sống. | 1 | 14 | Tuần 5 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ6: Giới thiệu đam mê của bản thân. | 1 | 15 | Tuần 5 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ7: Rèn luyện ý chí của bản thân. | 1 | 16 | Tuần 6 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ8: Thể hiện khả năng tư duy độc lập. | 1 | 17 | Tuần 6 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ9: Thể hiện khả năng thích ứng với sự thay đổi. | 1 | 18 | Tuần 6 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ10: Lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất ý chí và sự đam mê, tư duy độc lập và khả năng thích ứng của bản thân. | 1 | 19 | Tuần 7 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 2. | 1 | 20 | Tuần 7 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 3: Hoàn thiện bản thân (15 tiết + 1 tiết đánh giá giữa kỳ) | SHL | HĐ1: Xác định những biểu hiện về tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. | 1 | 21 | Tuần 7 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ2: Tìm hiểu cách thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ theo thời gian và thực hiện cam kết đề ra. | 1 | 22 | Tuần 8 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ3: Xác định cách điều chỉnh được cảm xúc và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau. | 1 | 23 | Tuần 8 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ4: Tìm hiểu về kế hoạch phát triển tài chính phù hợp cho bản thân. | 1 | 24 | Tuần 8 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ5: Thể hiện sự trung thực, tinh thần trách nhiệm trong đời sống. | 1 | 25 | Tuần 9 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ6: Rèn luyện thói quen tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. | 1 | 26 | Tuần 9 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ7: Thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ theo thời gian và cam kết đề ra. | 1 | 27 | Tuần 9 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ8: Thực hành điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau. | 1 | 28 | Tuần 10 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ9: Lập và thực hiện kế hoạch phát triển tài chính của bản thân. | 1 | 29 | Tuần 10 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ10: Tự hoàn thiện bản thân. | 1 | 30 | Tuần 10 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 3. | 1 | 31 | Tuần 11 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Đánh giá giữa học kỳ 1 | 1 | 32 | Tuần 11 | Lớp học | GVBM | Bài kiểm tra |
| SHL | Báo cáo điển hình của những tấm gương về “tự hoàn thiện bản thân” | 1 | 33 | Tuần 11 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Báo cáo điển hình của những tấm gương về “tự hoàn thiện bản thân” | 1 | 34 | Tuần 12 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Báo cáo điển hình của những tấm gương về “tự hoàn thiện bản thân” | 1 | 35 | Tuần 12 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | Báo cáo điển hình của những tấm gương về “tự hoàn thiện bản thân” | 1 | 36 | Tuần 12 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình (9 tiết + 1 tiết đánh giá cuối kỳ 1) | HĐCĐ | HĐ1: Tìm hiểu những việc làm thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. | 1 | 37 | Tuần 13 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ2: Tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội. | 1 | 38 | Tuần 13 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ3: Tìm hiểu ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình. | 1 | 39 | Tuần 13 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ4: Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình. | 1 | 40 | Tuần 14 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ5: Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. | 1 | 41 | Tuần 14 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ6: Thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình. | 1 | 42 | Tuần 14 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ7: Phân tích ảnh hưởng của thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình em. | 1 | 43 | Tuần 15 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Triển lãm sản phẩm về “trách nhiệm với gia đình” | 1 | 44 | Tuần 15 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | Triển lãm sản phẩm về “trách nhiệm với gia đình” | 1 | 45 | Tuần 15 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 4. | 1 | 46 | Tuần 16 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | Đánh giá cuối kỳ 1 | 1 | 47 | Tuần 16 | Lớp học | GVBM | Bài kiểm tra |
| Chủ đề 5: Xây dựng cộng đồng (9 tiết) | HĐCĐ | HĐ1: Tìm hiểu biểu hiện của sự chủ động và tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng. | 1 | 48 | Tuần 16 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | SHL | HĐ2: Tìm hiểu các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị. | 1 | 49 | Tuần 17 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ3: Tìm hiểu cách quản lý dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo. | 1 | 50 | Tuần 17 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ4: Thể hiện sự chủ động, tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội và sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.  HĐ5: Thực hiện hoạt động khám phá các nền văn hoá khác nhau. | 1 | 51 | Tuần 17 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | SHL | HĐ6: Thể hiện sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau và thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.  HĐ7: Thực hiện hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình, hữu nghị. | 1 | 52 | Tuần 18 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ8: Lập và thực hiện kế hoạch dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và biện pháp quản lý dự án. | 1 | 53 | Tuần 18 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ9: Đánh giá ý nghĩa của hoạt động xã hội. | 1 | 54 | Tuần 18 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | **HỌC KỲ 2** | | | | | | |  |
|  | SHL | HĐ10: Tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng nơi em sinh sống. | 1 | 55 | Tuần 19 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 5. | 1 | 56 | Tuần 19 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 6: Chung tay giữ gìn, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (6 tiết) | HĐCĐ | HĐ1: Tìm hiểu các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.  HĐ 2: Tìm hiểu về hoạt động tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên. | 1 | 57 | Tuần 19 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | SHL | HĐ3: Đánh giá thực trạng bảo tồn 1 số danh lam thắng cảnh ở địa phương. | 1 | 58 | Tuần 20 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ4: Đề xuất và thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. | 1 | 59 | Tuần 20 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ5: Thực hiện tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên.  HĐ 6: Thực hiện các việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. | 1 | 60 | Tuần 20 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | SHL | Ra quân Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (tuyên truyền, lao động, …) | 1 | 61 | Tuần 21 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 6. | 1 | 62 | Tuần 21 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 7: Bảo vệ thế giới tự nhiên (9 tiết + 1 tiết đánh giá giữa kỳ 2) | HĐCĐ | HĐ1:Nhận diện hành vi việc làm bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. | 1 | 63 | Tuần 21 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ2: Lập và thực hiện kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. | 1 | 64 | Tuần 22 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ3: Nhận xét, đánh giá những hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. | 1 | 65 | Tuần 22 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ4:Thực hiện các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. | 1 | 66 | Tuần 22 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ5:Tuyên truyền các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. | 1 | 67 | Tuần 23 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ6: Lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ thế giới động, thực vật tại địa phương. | 1 | 68 | Tuần 23 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Triễn lãm về thực trạng bảo vệ thế giới, động vật. | 1 | 69 | Tuần 23 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | Triễn lãm về thực trạng bảo vệ thế giới, động vật. | 1 | 70 | Tuần 24 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 7. | 1 | 71 | Tuần 24 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Đánh giá giữa học kỳ 2 | 1 | 72 | Tuần 24 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 8: Nghề nghiệp và những yêu cầu với người lao động trong xã hội hiện đại (12 tiết + 1 tiết KT) | SHL | HĐ1: Tìm hiểu về xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. | 1 | 73 | Tuần 25 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ2: Xác định những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại. | 1 | 74 | Tuần 25 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ3: Tìm hiểu biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong công việc | 1 | 75 | Tuần 25 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ4: Tìm hiểu yêu cầu về đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp. | 1 | 76 | Tuần 26 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ5: Rèn luyện tính chuyên nghiệp trong công việc. | 1 | 77 | Tuần 26 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ 6: Đề xuất biện pháp đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp | 1 | 78 | Tuần 26 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ7: Phân tích những yêu cầu đối với nghề trong xã hôi hiện đại mà em quan tâm. | 1 | 79 | Tuần 27 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ 8: Thực hành phân tích thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. | 1 | 80 | Tuần 27 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
|  | HĐCĐ | HĐ9: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (pha chế/ nấu ăn) | 1 | 81 | Tuần 27 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ9: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (pha chế/ nấu ăn) | 1 | 82 | Tuần 28 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Trải nghiệm thực tế: Ngày hội Tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp | 1 | 83 | Tuần 28 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 8. | 1 | 84 | Tuần 28 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp  (9 tiết) | SHL | HĐ1: Xác định những nhóm nghề/ nghề phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân. | 1 | 85 | Tuần 29 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ2: Tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc chuyển đổi nghề. | 1 | 86 | Tuần 29 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ3: Tìm hiểu những phẩm chất, năng lực người lao động cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. | 1 | 87 | Tuần 29 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ4: Xác định những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn. | 1 | 88 | Tuần 30 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ5: Đánh giá phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. | 1 | 89 | Tuần 30 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ6: Rèn luyên phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. | 1 | 90 | Tuần 30 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ7: Thể hiện sự tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình. | 1 | 91 | Tuần 31 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ8: Rèn luyên phẩm chất, năng lực của bản thân trong học tập và cuộc sống để bước vào thế giới nghề nghiệp | 1 | 92 | Tuần 31 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | .-Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 9. | 1 | 93 | Tuần 31 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| Chủ đề 10: Quyết định lựa chọn nghề phù hợp và chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường mới (12 tiết + 1 tiết đánh giá cuối học kỳ 2) | SHL | HĐ1: Tìm hiểu cách thức chuận bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc và học tập tương lai. | 1 | 94 | Tuần 32 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ 2: Tìm hiểu về tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. | 1 | 95 | Tuần 32 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ 3: Tìm hiểu về bản lĩnh thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích. | 1 | 96 | Tuần 32 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ4: Phân tích và xử lí các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. | 1 | 97 | Tuần 33 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ 5: thể hiện tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. | 1 | 98 | Tuần 33 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ6: Quyết định chọn nghề, chọn ngành học, chọn trường của bản thân. | 1 | 99 | Tuần 33 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ 7: Thể hiện bản lĩnh, đam mê theo đuổi nghề yêu thích. | 1 | 100 | Tuần 34 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ8: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp (tỉa rau củ) | 1 | 101 | Tuần 34 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | HĐ8: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp | 1 | 102 | Tuần 34 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| SHL | HĐ8: Trải nghiệm thực tế nghề nghiệp | 1 | 103 | Tuần 35 | Lớp học | GVCN | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | -Báo cáo, phản hồi kết quả vận dụng.  -Đánh giá kết quả hoạt động cuối chủ đề 10. | 1 | 104 | Tuần 35 | Lớp học | GVBM | Tivi, laptop, phấn, sách giáo khoa. |
| HĐCĐ | Đánh giá cuối học kỳ 2 | 1 | 105 | Tuần 35 | Lớp học | GVBM | Bài ki |

**III. Các nội dung khác (nếu có):** Không

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÓM GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  Ảnh có chứa bản phác thảo, hình vẽ, Nghệ thuật vẽ nét đơn, tác phẩm nghệ thuật  Mô tả được tạo tự động  **Nguyễn Thị Thơm** | *TP. Cẩm Phả, ngày 05 tháng 09 năm 2024*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |